

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

MÔN: SỬ 12

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm TBM Lần 1		
						HS1	HS2			Thi	TB Môn	KQ1
								4,0		6,0		
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	2203360048	Hà Phước	An	22/11/2004	02DL13C1			0,0	TBKT		0,0	Học lại
2	2203360355	Nguyễn Ngọc Phương	Anh	11/10/2003	02DL13C1	6,5	7,0	6,8		8,0	7,5	Đạt
3	2203240013	Lê Đỗ Huỳnh	Đạt	14/08/1997	02DL13A1			0,0	TBKT		0,0	Học lại
4	2203360195	Nguyễn Thành	Đạt	18/01/2004	02DL13C1	6,0	6,5	6,3		7,5	7,0	Đạt
5	2203360348	Hồ Đức	Dũng	13/11/1999	02DL13C1			0,0	TBKT		0,0	Học lại
6	2203360153	Từ Trương Bảo	Duy	26/08/2005	02DL13C1	7,0	7,0	7,0		8,0	7,6	Đạt
7	2203360366	Võ Ngọc	Hải	11/12/2003	02DL13C1	6,5	6,5	6,5		8,0	7,4	Đạt
8	2203360176	Nguyễn Văn	Hào	19/01/2005	02DL13C1			0,0	TBKT		0,0	Học lại
9	2203360262	Nguyễn	Hoàng	18/05/2002	02DL13C1			0,0	TBKT		0,0	Học lại
10	2203240180	Trần Duy	Hoàng	28/11/2000	02DL13A1			0,0	TBKT		0,0	Học lại
11	2203360317	Nguyễn Thị Thu	Hương	15/08/2000	02DL13C1	6,0	6,0	6,0		7,0	6,6	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm TBM Lần 1			
					HS1	HS2			Thi	TB Môn	KQ1	
							4,0		6,0			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
12	2203360169	Lê Minh	Khải	26/12/2004	02DL13C1			0,0	TBKT		0,0	Học lại
13	2203360341	Trần Minh	Khang	13/05/2003	02DL13C1	6,5	6,5	6,5		7,5	7,1	Đạt
14	2203360362	Mai Quốc	Khánh	02/09/1999	02DL13C1			0,0	TBKT		0,0	Học lại
15	2203360024	Nguyễn Đoàn Anh	Khoa	29/01/1998	02DL13C1			0,0	TBKT		0,0	Học lại
16	2203360132	Nguyễn Hoàng Nhật	Long	25/09/2005	02DL13C1	6,0	6,0	6,0		8,0	7,2	Đạt
17	1203240067	Nguyễn Hoàng	Long	29/09/2000	02DL13A1	6,0	6,0	6,0		7,0	6,6	Đạt
18	2203360082	Trương Quang	Minh	09/12/2005	02DL13C1	7,0	7,0	7,0		7,5	7,3	Đạt
19	2203360274	Nguyễn Quang	Minh	03/08/2005	02DL13C1			0,0	TBKT		0,0	Học lại
20	2203240207	Hứa Hoàn Anh	Nghiêm	12/09/2002	02DL13A1	6,5	7,0	6,8		8,0	7,5	Đạt
21	2203240321	Vũ Chí	Quốc	12/01/2000	02DL13A1			0,0	TBKT		0,0	Học lại
22	1203240057	Lơ Mu K' A	Ram	15/07/2002	02DL13A1	7,5	7,5	7,5		7,5	7,5	Đạt
23	2203360104	Nguyễn Thị Kim	Thanh	28/09/2004	02DL13C1	6,5	6,5	6,5		7,0	6,8	Đạt
24	2203360312	Võ Thị Thủy	Tiên	09/09/2002	02DL13C1	6,0	6,0	6,0		8,0	7,2	Đạt
25	2203360211	Trần Thanh	Trà	07/03/2005	02DL13C1	7,0	7,0	7,0		5,0	5,8	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm TBM Lần 1		
						HS1	HS2			Thi	TB Môn	KQ1
								4,0		6,0		
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
26	2203360193	Nguyễn Mai Phương	Trúc	17/09/2005	02DL13C1	6,0	6,0	6,0		8,0	7,2	Đạt
27	2203360019	Tiêu Xuân	Trường	27/01/2004	02DL13C1	8,0	7,5	7,7		7,5	7,6	Đạt
28	2203360075	Bùi Nhan Thanh	Tú	28/12/2004	02DL13C1	7,0	6,5	6,7		7,0	6,9	Đạt
29	1203360059	Thái Gia	Tuệ	24/11/2005	02DL13C1	7,0	7,0	7,0		8,0	7,6	Đạt
30	2203360185	Nguyễn Việt	Tùng	08/06/2004	02DL13C1			0,0	TBKT		0,0	Học lại
31	2193360159	Phạm Thị Kim	Huyền	12/11/2004	02DL13C1	6,5	6,5	6,5		9,5	8,3	Đạt